TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THỦY** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 31/7/2024
V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính; ông Dương Đình Tài.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy*:** Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐ XXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H – Sinh năm 1994; Trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn Đ – Sinh năm 1996; Trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2024, bản tự khai; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Trịnh Văn Đ kết hôn với nhau ngày 04/7/2017, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C. Hai bên lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh Trịnh Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án đã được Toà án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Giấy triệu tập giải quyết nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do chính đáng. Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Trịnh Thị B là mẹ đẻ của anh Đ, bà B đã giao lại các văn bản tố tụng của Toà án cho anh Đ, đảm bảo quy định của pháp luật. Anh Đ cũng không cung cấp cho Tòa án địa chỉ nơi anh làm việc.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 27/6/2024 bà Trịnh Thị B là mẹ đẻ anh Đ cho biết: Chị H và anh Đ lấy nhau năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng bố mẹ tại thôn C, xã C. Trong thời gian chung sống chị H và anh Đ thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Việc chị H nộp đơn ly hôn bà biết, nhưng không động viên đoàn tụ được. Anh Đ hiện đang đi làm ăn xa, do công việc bận, đường xá xa xôi, nên anh không về giải quyết vụ việc được, anh không ở ổn định một chỗ nên không cung cấp được địa chỉ nơi ở cho Tòa. Anh Đ có thông tin cho bà về việc đồng ý ly hôn với chị H, đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C: Chị Lê Thị H và anh Trịnh Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã C, huyện C vào ngày 04/7/2017. Về mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh Đ mâu thuẫn thế nào chính quyền không nắm được vì anh chị không đề nghị hòa giải.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 – BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị xử cho chị H được ly hôn anh Đ; Về con chung: Chị H và anh Đ thống nhất không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trịnh Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không có mặt. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn đảm bảo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Lê Thị H và anh Trịnh Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống, giữa chị H và anh Đ xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tống đạt các văn bản tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật, nhưng không đến Tòa án làm việc. Việc anh Đ không đến Tòa án làm việc, không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ theo quy định tại điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ đương sự nộp và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh Đ.

[5]. Về con chung: Chị H và anh Đ thống nhất không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trịnh Văn Đ.

2. Về con chung: Chị H và anh Đ không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BLTU/23/0000961, ngày 03/4/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị H không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H; anh Trịnh Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Cẩm Thuỷ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thuỷ;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Tú;
- Lưu: HSVA.

Vũ Thị Dung